

Bản án số: 184/2022/HS-ST
Ngày: 10-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trục.

2. Bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2022/HSST ngày 10 tháng 6 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lâm Ngọc Y (tên gọi khác: Thảo), sinh ngày: 25 tháng 3 năm 1988 tại: tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: 43/8 L, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hoàng T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); có chồng là Đỗ Văn T (đã chết) và có 04 con; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 27/01/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 33 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (hiện đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi); tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Lê Cao Q (tên gọi khác: Cu Chì), sinh ngày: 18 tháng 11 năm 1988 tại: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: 125/1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ và bà Lê Thị Xuân T, sinh năm 1968; có vợ là Lê Thị Xuân D, sinh năm: 1990 và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Bà Mai Thị L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: 122 P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Bảo T, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: 19A, gò X, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Chị Trần Kim T1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: 60/6/5/1 P, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Bùi Văn N, sinh năm 1982; Nơi cư trú: 85 M, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 12/2021, Lâm Ngọc Y gặp Lê Cao Q tại quán cà phê ở phường B, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Y đề nghị Q cho Y mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền người khác chuyển đến, cứ 10.000.000 đồng thì Y cho Q 1.000.000 đồng. Q biết được Y mới ra tù về tội lừa đảo qua mạng, Y không có nghề nghiệp, nghiện ma túy và biết rõ Y mượn tài khoản của mình để thực hiện hành vi lừa đảo người khác qua mạng internet, nhưng vì được Y hứa hẹn chia số tiền được hưởng lợi lớn nên Q đồng ý, đưa tài khoản cho Y.

Sau khi đã thống nhất, vào cuối tháng 12/2021, Y sử dụng mạng xã hội Facebook với tài khoản của mình là “Bùi Lâm Đăng Khôi (Ku Boy)” thấy tài khoản Facebook “Kristine Nguyen” của chị Nguyễn Thị Bích T (Sinh ngày: 12/7/1991) có nhắn tin với tài khoản Facebook “Tin Mai” của bà Mai Thị L (Sinh ngày: 25/8/1970, trú tại: 122 P, phường P, thành phố H). Sau khi xem, tìm hiểu cuộc trò chuyện giữa hai tài khoản trên, Y biết bà L là mẹ ruột của chị T, biết bà L đang ở H sử dụng số điện thoại 0905.564.555 và chị Thủy đang ở nước Mỹ, cả hai có cuộc sống khá giả nên Y nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà L, với thủ đoạn lập tài khoản giả, đưa ra thông tin mình là T, làm cho bà L tin tưởng để chuyển tiền mua vé máy bay như sau: Y sử dụng số điện thoại 0898.210.646 tạo tài khoản Viber có tên “Kristine Nguyen” và lấy ảnh của chị T có trên facebook làm ảnh đại diện để nhắn tin đến tài khoản Viber số điện thoại 0905.564.555 của bà L rồi giả vờ đưa ra thông tin mình là con gái bà L cần đặt mua vé máy bay từ Mỹ về Việt Nam và nhờ bà L chuyển tiền mua vé đến người bán có số điện thoại 0902.411.411. Qua các tin nhắn trao đổi, bà L tin tưởng mình đang nói chuyện với con gái nên đã đồng ý liên hệ với số điện thoại 0902.411.411. Tiếp đó, bà L gọi đến số điện thoại 0902.411.411, Y bắt máy và tự xưng là bên bán vé máy bay và đề nghị bà L chuyển tiền mua vé từ Mỹ về Việt

Nam. Tin tưởng, bà L đồng ý chuyển tiền. Trong ngày 01/01/2022, bà L đã 03 lần sử dụng dịch vụ Internet Banking, chuyển tiền từ tài khoản số 1550901999779 của mình tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng (VP Bank) đến tài khoản số 36810000355339 của Lê Cao Q tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV Bank), tổng số tiền 243.000.000 đồng theo yêu cầu, cụ thể:

- Lần 1: Chuyển 10.000.000 đồng để đặt cọc chỗ.
- Lần 2: Chuyển 98.000.000 đồng để đặt mua 4 vé máy bay.
- Lần 3: Chuyển 135.000.000 đồng để đặt mua 5 vé máy bay.

Sau khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản, Y yêu cầu Q chuyển tiền như sau: Q chuyển đến tài khoản 9704229206298593548 của Y tại Ngân hàng Q đội (MB Bank), số tiền 30.000.000 đồng, rút 20.000.000 đồng tiền mặt đưa cho Y rồi Y đưa lại cho Q 1.000.000 đồng; Q chuyển đến tài khoản số 15729557 của Trần Kim T1 (sinh ngày: 13/10/1985, trú tại: 60/6/5/1 Phan Đình Phùng, khóm 2, phường 2, thành phố Cà Mau) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB Bank) số tiền 80.000.000 đồng. Sau đó, T1 rút và đưa cho Y toàn bộ số tiền trên; Q chuyển đến tài khoản số 060256767476 của Trần Bảo T (sinh ngày: 26/6/1994, trú tại: 19A, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank), số tiền 97.000.000 đồng. T rút T bộ số tiền trên đưa cho Y, Y cho T 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại trong tài khoản của Q: 16.000.000 đồng, được xem là tiền công của Q như thỏa thuận trước đó.

Sau khi đã chuyển tiền, bà L đã liên lạc với con gái là chị T, biết mình đã bị lừa nên chị L đã đến trình báo cơ quan công an.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imel 1: 353117112837708, số Imel 2: 353117117837703;

- 01 phôi thẻ sim mạng viễn thông Mobiphone, trên phôi có ghi mã 8401201133532341;

- Tiền Việt Nam đồng: 91.000.000 đồng (do Lâm Ngọc Y giao nộp: 80.000.000 đồng, Lê Cao Q giao nộp: 10.000.000 đồng, Trần Bảo T giao nộp: 1.000.000 đồng);

- 01 thẻ ATM do Ngân hàng DONGA BANK phát hành, có số thẻ 9704061563857293 tên “LE CAO QUAN”;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, màu xanh đen, số Imel1: 353996323136046, số Imel2: 354281943136042, kèm sim đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra trả lại cho bà L, số tiền 91.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà L yêu cầu Y và Q phải bồi thường cho mình số tiền 152.000.000 đồng còn lại, hiện Y và Q chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 161/CT-VKS-TPH ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Lâm Ngọc Y và Lê Cao Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lâm Ngọc Y và Lê Cao Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Ngọc Y.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Cao Q.

- Xử phạt bị cáo Lâm Ngọc Y từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù và tổng hợp hình phạt 33 (ba mươi ba) tháng tù của bản án số 21/2021/HSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 10 năm 09 tháng đến 11 năm 03 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Cao Q từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị:

Buộc bị cáo Y và Q phải liên đới bồi thường cho bị hại là bà L số tiền 152.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imel 1: 353117112837708, số Imel 2: 353117117837703 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, màu xanh đen, số Imel1: 353996323136046, số Imel2: 354281943136042, kèm sim đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phôi thẻ sim mạng viễn thông Mobiphone, trên phôi có ghi mã 8401201133532341 và 01 thẻ ATM do Ngân hàng DONGA BANK phát hành, có số thẻ 9704061563857293 tên “LE CAO QUAN”;

Ý kiến của bị hại, đề nghị các bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt còn thiếu là 152.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Bị cáo Lâm Ngọc Y và Lê Cao Q là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên vào tháng 12 năm 2021, Lâm Ngọc Y đã thỏa thuận với Lê Cao Q để thống nhất thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua các trang mạng internet. Bị cáo Y sử dụng số điện thoại 0898.210.646 tạo tài khoản Viber có tên “Kristine Nguyen” và lấy ảnh của chị Thủy có trên facebook làm ảnh đại diện để nhắn tin đến tài khoản Viber số điện thoại 0905.564.555 của bà L rồi giả vờ đưa ra thông tin mình là con gái bà L cần đặt mua vé máy bay từ Mỹ về Việt Nam và nhờ bà L chuyển tiền mua vé đến người bán có số điện thoại 0902.411.411. Bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo Y đã làm cho bà L tin tưởng, chuyển vào tài khoản cá nhân của Lê Cao Q tổng số tiền 243.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, các bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3]. Xét căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó bị cáo Lâm Ngọc Y là người khởi xướng và thực hành tích cực, bị cáo Lê Cao Q là người giúp sức.

Các bị cáo Y và Q nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã cố ý thực hiện. Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Trong ngày 01/01/2022, các bị cáo đã thực hiện ba lần phạm tội, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Y có một tiền án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đang chấp hành án sau đó được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

do đang mang thai, bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó cần xử các bị cáo mức án nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Y đang chấp hành bản án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sau đó được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù do đang mang thai, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt 33 (Ba mươi ba) tháng tù của bản án số 21/2021/HSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Đối với Trần Kim T1 và Trần Bảo T là những người được Lâm Ngọc Y mượn tài khoản để nhận tiền và được Y nhờ đi rút tiền nhưng không biết đó là tiền do Y phạm tội mà có, nên không có cơ sở để xử lý.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L, số tiền 91.000.000 đồng.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imel 1: 353117112837708, số Imel 2: 353117117837703 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, màu xanh đen, số Imel1: 353996323136046, số Imel2: 354281943136042, kèm sim đã qua sử dụng đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 phôi thẻ sim mạng viễn thông Mobiphone, trên phôi có ghi mã 8401201133532341 và 01 thẻ ATM do Ngân hàng DONGA BANK phát hành, có số thẻ 9704061563857293 tên “LE CAO QUAN” cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L, số tiền 91.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà L yêu cầu bị cáo Y và Q phải bồi thường cho mình số tiền 152.000.000 đồng còn lại, hiện nay Y và Q chưa bồi thường. Do đó cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền còn thiếu là 152.000.000 đồng, theo phần bị cáo Y bồi thường 145.000.000 đồng, bị cáo Q bồi thường 7.000.000 đồng.

[6]. Về án phí: Buộc các bị cáo Lâm Ngọc Y và Lê Cao Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Ngọc Y (tên gọi khác: Thảo) và Lê Cao Q (tên gọi khác: Cu Chì) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Ngọc Y.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Cao Q.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Ngọc Y 08 (Tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 33 (Ba mươi ba) tháng tù của bản án số 21/2021/HSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 10 (Mười) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2020 đến ngày 13/10/2020 tại bản án số 21/2021/HSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An và thời gian đã chấp hành án theo quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù số 04/2021/QĐ-CA ngày 04/10/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Xử phạt: Bị cáo Lê Cao Q 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 20/01/2022).

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imel 1: 353117112837708, số Imel 2: 353117117837703 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S, màu xanh đen, số Imel1: 353996323136046, số Imel2: 354281943136042.

Tịch thu tiêu hủy 01 gói thẻ sim mạng viễn thông Mobiphone, trên gói có ghi mã 8401201133532341 và 01 thẻ ATM do Ngân hàng DONGA BANK phát hành, có số thẻ 9704061563857293 tên “LE CAO QUAN”.

Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Lâm Ngọc Y và Lê Cao Q phải liên đới bồi thường cho bị hại là bà Mai Thị L số tiền còn thiếu là 152.000.000 đồng, theo phần bị cáo Lâm Ngọc Y bồi thường cho bà Mai Thị L là 145.000.000 đồng, bị cáo Lê Cao Q bồi thường cho bà Mai Thị L là 7.000.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn

yêu cầu thi hành án (Đối với khoản tiền yêu cầu bồi thường) mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lâm Ngọc Y và Lê Cao Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lâm Ngọc Y phải chịu 7.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Cao Q phải chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- PV06 CA tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Văn Hạnh